

Số: 353 /CNDD-TCKT

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023

V/v: Giải trình một số nội dung tại Báo cáo
kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trước hết Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) xin gửi tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng.

Nhằm làm rõ một số nội dung tại Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) xin có một số ý kiến giải trình như sau:

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Công ty chưa đánh giá và trích lập đầy đủ giá trị dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn, khó đòi, tính đến thời lập báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2022 giá trị dự phòng đã trích lập là 66,004 tỷ VND; tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, nếu trích lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng 1,015 tỷ VND và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm 1,015 tỷ VND.

Giải trình của Công ty: Hiện tại Công ty đã liên hệ với khách hàng và khách hàng đã đồng ý trả hết số công nợ này. Vì vậy, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi số tiền trên.

2. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ số dư các khoản nợ phải thu, phải trả của chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải thu ngắn hạn khác, Phải trả người bán ngắn hạn và Phải trả ngắn hạn khác đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán. Chúng tôi đã gửi thư xác nhận số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư phản hồi. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác và giá trị của các khoản mục nêu trên tại 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022 và liệu có cần điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến các khoản mục nêu trên và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty

Giải trình của Công ty: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm, Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả của chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.



3. Công ty đang ghi nhận trên chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” là phần còn lại của các hạng mục công trình thuộc dự án Diamond Sea (Lapen Center) tại địa chỉ số 33 đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với giá trị 33.241.702.671 VND, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty vẫn chưa thực hiện quyết toán dự án này. Do đó, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng đầy đủ và cần thiết liên quan đến việc xác định giá trị phân bổ, nguyên giá của bất động sản đầu tư tương ứng; Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Giải trình của Công ty: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm, số dư chi phí SXKD dở dang của dự án Diamond Sea (Lapen Center) tại địa chỉ số 33A đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với giá trị 33.241.702.671 VND. Đây là chi phí xây dựng của 123 chỗ đậu xe ô tô tại tầng hầm B2 thuộc sở hữu của chủ đầu tư. Hiện nay Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán vốn đầu tư của dự án, sau khi có kết quả hồ sơ kiểm toán vốn đầu tư thì Công ty sẽ hạch toán chi phí dở dang còn lại trên.

4. Công ty đang ghi nhận trên chỉ tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14.081.452.138 VND (giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 14.081.452.138 VND) là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị tài sản là Công trình Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4 và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Nếu hạch toán theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp chỉ tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm một khoản tương ứng.

Giải trình của Công ty: Hiện tại Công ty đang làm thủ tục xin gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất tại khu cao ốc văn phòng số 35D và 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, mặc dù Hợp đồng thuê đất đã hết hạn và Công ty đã làm các thủ tục trình lên các sở ban ngành của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xin gia hạn Hợp đồng, hàng năm Công ty vẫn nộp đầy đủ tiền thuê đất theo thông báo của Chi Cục thuế Khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo. Công ty sẽ làm việc với các sở ngành tại địa phương nếu không được gia hạn thời gian thuê đất thì Công ty sẽ phân bổ khoản chi phí này trong năm 2023.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí để làm rõ một số nội dung tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT, (Inh, 4)



Lê Minh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu,

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Hội đồng quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Ngô Bùi Ngọc	Chủ tịch	29 tháng 11 năm 2022	
Ông Ngô Bùi Ngọc	Thành viên độc lập		29 tháng 11 năm 2022
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch	28 tháng 01 năm 2022	29 tháng 11 năm 2022
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Phụ trách		28 tháng 01 năm 2022
Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên		
Ông Trần Sỹ Huân	Thành viên độc lập	29 tháng 11 năm 2022	

Ban Giám đốc

Ông Lê Minh Hải	Giám đốc	07 tháng 12 năm 2022	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc	10 tháng 01 năm 2022	07 tháng 12 năm 2022
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc		10 tháng 01 năm 2022
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc		

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Minh Hải	Giám đốc	07 tháng 12 năm 2022	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc	10 tháng 01 năm 2022	07 tháng 12 năm 2022
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc		10 tháng 01 năm 2022

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu,


Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Lê Minh Hải
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Số: 047 /VACO/BCKi.T.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa đánh giá và trích lập đầy đủ giá trị dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn, khó đòi, tính đến thời lập báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2022 giá trị dự phòng đã trích lập là 66,004 tỷ VND; tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, nếu trích lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng 1,015 tỷ VND và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm 1,015 tỷ VND.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ số dư các khoản nợ phải thu, phải trả của chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải thu ngắn hạn khác, Phải trả người bán ngắn hạn và Phải trả ngắn hạn khác đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán. Chúng tôi đã gửi thư xác nhận số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư phản hồi. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác và giá trị của các khoản mục nêu trên tại 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022 và liệu có cần điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến các khoản mục nêu trên và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty đang ghi nhận trên chi tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” là phần còn lại của các hạng mục công trình thuộc dự án Diamond Sea (Lapen Center) tại địa chỉ Số 33, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá trị 33.241.702.671 VND, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty vẫn chưa thực hiện quyết toán dự án này. Do đó, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng đầy đủ và cần thiết liên quan đến việc xác định giá trị phân bổ, nguyên giá của bất động sản đầu tư tương ứng; Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Công ty đang ghi nhận trên chi tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14.081.452.138 VND (giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 14.081.452.138 VND) là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị tài sản là Công trình Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4 và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Nếu hạch toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, chi tiêu “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và chi tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm một khoản tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 34 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó mô tả thông tin về việc không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện đối với các khoản phải trả, Công ty chậm thanh toán cho người bán và các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 35 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó mô tả thông tin về việc Công ty sẽ bàn giao khu đất tại địa chỉ Số 35, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc thu hồi đất, đồng thời di dời toàn bộ tài sản trên đất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 23 tháng 3 năm 2022 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do: (i) Không đánh giá được khả năng thu hồi khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu; (ii) Công ty ghi nhận khoản lợi thế kinh doanh của công trình Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4 và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như trình bày tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên đây. Báo cáo kiểm toán chưa được các cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 61/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Việt Thiệu
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4244-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		324.132.242.270	331.846.986.097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	46.853.765.878	45.951.299.542
1. Tiền	111		1.537.765.878	635.299.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.316.000.000	45.316.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.224.096.855	138.914.429.604
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	173.830.354.247	190.923.418.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.167.322.590	2.417.563.966
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.230.872.340	11.577.899.500
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(66.004.452.322)	(66.004.452.322)
III. Hàng tồn kho	140	9	156.054.379.537	146.981.256.951
1. Hàng tồn kho	141		156.054.379.537	147.948.746.327
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(967.489.376)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.283.817.310	35.014.964.630
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.897.200.000	12.897.200.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	12.897.200.000	12.897.200.000
II. Tài sản cố định	220		3.527.185.555	6.258.332.875
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.527.185.555	6.258.332.875
- Nguyên giá	222		62.847.710.246	64.522.080.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.320.524.691)	(58.263.748.088)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.081.452.138	14.081.452.138
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	14.081.452.138	14.081.452.138
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	1.777.979.617	1.777.979.617
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.940.000.000	2.940.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.162.020.383)	(1.162.020.383)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		356.416.059.580	366.861.950.727

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		173.135.397.847	176.130.977.923
I. Nợ ngắn hạn	310		160.498.151.263	163.228.389.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	77.422.062.325	84.251.222.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	18.573.185.405	18.663.185.405
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	29.034.966.754	26.288.002.656
4. Phải trả người lao động	314		663.794.194	515.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.009.148.994	423.195.472
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	33.249.295.597	32.525.712.862
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	500.000.000	500.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.697.994	62.070.216
II. Nợ dài hạn	330		12.637.246.584	12.902.588.584
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	12.637.246.584	12.902.588.584
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		183.280.661.733	190.730.972.804
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	183.280.661.733	190.730.972.804
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.519.193.263	14.519.193.263
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(131.238.531.530)	(123.788.220.459)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(126.361.848.959)	(93.468.987.402)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		356.416.059.580	366.861.950.727


Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu


Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng


Lê Minh Hải
Giám đốc



Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	7.595.168.032	(18.524.457.559)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		7.595.168.032	(18.524.457.559)
4. Giá vốn hàng bán	11	22	4.933.656.830	7.926.949.436
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.661.511.202	(26.451.406.995)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.061.340.483	1.303.176.491
7. Chi phí tài chính	22	25	47.500.005	886.008.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.500.005	869.879.785
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	8.125.950.766	6.032.253.065
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - 26}	30		(4.450.599.086)	(32.066.491.917)
10. Thu nhập khác	31	27	5.206.796.565	6.413.178.889
11. Chi phí khác	32	28	5.632.880.050	4.665.920.029
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(426.083.485)	1.747.258.860
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(163)	(1.011)


Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu


Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Minh Hải
Giám đốc


Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.731.147.320	3.169.767.633
- Các khoản dự phòng	03	(1.232.831.376)	(2.506.288.858)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.156.795.028)	(1.501.607.714)
- Chi phí lãi vay	06	47.500.005	869.879.785
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.487.661.650)	(30.287.482.211)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	17.690.332.749	68.248.428.239
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(8.105.633.210)	(6.164.199.611)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.302.619.359)	(21.214.314.472)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(32.375.000)	(1.987.894.502)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.372.222)	(238.374.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(254.328.692)	8.356.163.443
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	95.454.545	228.181.818
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.061.340.483	1.303.176.491
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.156.795.028	1.531.358.309
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	7.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(17.750.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(10.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	902.466.336	(362.478.248)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.951.299.542	46.313.777.790
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	46.853.765.878	45.951.299.542


Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu


Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng


Lê Minh Hải
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 48 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 59 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Thi công, mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống: Báo cháy tự động, chữa cháy, chống sét, camera quan sát, tổng đài điện thoại, thang máy, điện, điện lạnh, hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước; Kinh doanh các thiết bị, máy móc, vật tư ngành xây dựng, công nghiệp và khai khoáng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lập dự án đầu tư; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; sản xuất gạch nhẹ;
- Gia công cơ khí (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất gia công tại các phường 1,2,3,4,5,6,7,8 và phường Thắng Tam thuộc Thành phố Vũng tàu, chỉ được phép hoạt động khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh môi trường);
- Sản xuất chế tạo thang cáp, máng cáp, bảng tủ điện, bảng tủ điều khiển các loại;
- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ; Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu đô thị; Thi công xây dựng đường dây và trạm biến thế điện trung thế đến 35KV.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công nghiệp dân dụng và kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí Quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (“PetroCons”)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”)
Ban quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (“PTSC”) - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ của Công ty
Công ty mẹ của PetroCons
Đơn vị trực thuộc của PVN
Đơn vị thành viên thuộc PVN
Đơn vị thành viên thuộc PVN
Đơn vị thành viên thuộc PTSC
Đơn vị thành viên thuộc PVN
Công ty con của PetroCons
Công ty con của PetroCons
Công ty liên kết của PetroCons
Công ty liên kết của PetroCons
Công ty liên kết của PetroCons
Công ty liên kết của PetroCons
Công ty liên kết của PetroCons
Quản lý chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.545.925	571.901.561
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.534.219.953	63.397.981
Các khoản tương đương tiền (i)	45.316.000.000	45.316.000.000
Cộng	46.853.765.878	45.951.299.542

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 3,85%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	119.186.726.251	131.309.885.070
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	71.488.482	71.488.482
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	82.412.070.347	94.535.229.166
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	26.096.125.925
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	8.538.696.871	8.538.696.871
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	54.643.627.996	59.613.533.390
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	21.759.494.013
Công ty Cổ phần Đầu tư Huy Thanh	13.000.000.000	13.000.000.000
Các khách hàng khác	19.884.133.983	24.854.039.377
Cộng	173.830.354.247	190.923.418.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hiếu Liêm	675.218.967	675.218.967
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc xanh	320.712.625	320.712.625
Công ty TNHH Thảo Truyền	250.000.000	250.000.000
Các đối tượng khác	921.390.998	1.171.632.374
Cộng	2.167.322.590	2.417.563.966

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn		
a1) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2.575.373.701	1.774.198.370
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.282.372.955	1.371.868.821
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.293.000.746	402.329.549
a2) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.655.498.639	9.803.701.130
Tạm ứng cho nhân viên	1.424.563.896	2.385.147.764
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	3.268.873.511
Các khách hàng khác	3.962.061.232	4.149.679.855
Cộng	11.230.872.340	11.577.899.500
b) Dài hạn		
Dự án Chung cư Long Sơn Riverside (i)	12.897.200.000	12.897.200.000
Cộng	12.897.200.000	12.897.200.000

Ghi chú:

- (i) Đây là giá trị vốn góp hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát là dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện chủ đầu tư và nhà điều hành dự án là Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (Tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO). Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% vốn chủ sở hữu của dự án. Sau khi xác định được kết quả kinh doanh của cả dự án, các bên được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ vốn góp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” đã thi công xong. Ban Giám đốc Công ty đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản đối với khoản góp vốn vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Phải thu của khách hàng	59.361.253.634	-	59.361.253.634	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	-	26.096.125.925	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	-	21.759.494.013	-
- Các đối tượng khác	11.505.633.696	-	11.505.633.696	-
b) Trả trước cho người bán	1.403.404.965	-	1.403.404.965	-
c) Phải thu khác	5.239.793.723	-	5.239.793.723	-
Cộng	66.004.452.322	-	66.004.452.322	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	281.485.430	-	1.249.316.442	(967.489.376)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	155.772.894.107	-	146.699.429.885	-
Cộng	156.054.379.537	-	147.948.746.327	(967.489.376)

Ghi chú:

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công trình chung cư số 33A, đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	33.241.702.671	33.416.632.253
Công trình thi công một số hạng mục Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1	39.912.677.204	39.810.200.356
Công trình thi công một số hạng mục Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	80.535.642.363	71.393.409.405
Công trình Viện Dầu khí - Giai đoạn 2	1.853.714.647	1.853.714.647
Các công trình khác	229.157.222	225.473.224
Cộng	155.772.894.107	146.699.429.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	16.299.859.621	40.435.532.619	6.245.428.000	1.541.260.723	64.522.080.963
- Thanh lý, nhượng bán	-	(935.643.273)	-	(738.727.444)	(1.674.370.717)
Số dư cuối năm	16.299.859.621	39.499.889.346	6.245.428.000	802.533.279	62.847.710.246
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	14.380.828.006	37.062.295.209	5.279.364.150	1.541.260.723	58.263.748.088
- Khấu hao trong năm	1.246.316.448	1.068.469.032	416.361.840	-	2.731.147.320
- Thanh lý, nhượng bán	-	(935.643.273)	-	(738.727.444)	(1.674.370.717)
Số dư cuối năm	15.627.144.454	37.195.120.968	5.695.725.990	802.533.279	59.320.524.691
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.919.031.615	3.373.237.410	966.063.850	-	6.258.332.875
Tại ngày cuối năm	672.715.167	2.304.768.378	549.702.010	-	3.527.185.555

Ghi chú:

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 26.549.049.203 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 27.821.740.266 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	7.358.452.138	7.358.452.138
Cao ốc văn phòng 35K đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	6.723.000.000	6.723.000.000
Cộng	<u>14.081.452.138</u>	<u>14.081.452.138</u>

Ghi chú:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Cao ốc văn phòng 35D và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu bao gồm lợi thế kinh doanh được phân bổ trên cơ sở mục đích sử dụng của các thửa đất và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-		50.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	(1.162.020.383)		2.890.000.000	(1.162.020.383)	
Cộng	2.940.000.000	(1.162.020.383)		2.940.000.000	(1.162.020.383)	

Ghi chú:

(i) Giá trị hợp lý:

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả các bên liên quan	16.135.724.147	16.135.724.147	16.020.793.219	16.020.793.219
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.300.722.566	2.300.722.566	1.643.205.404	1.643.205.404
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	195.228.500	195.228.500	195.228.500	195.228.500
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	259.778.108	259.778.108	259.778.108	259.778.108
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	8.214.522.663	8.214.522.663	8.608.599.625	8.608.599.625
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	2.775.388.658	2.775.388.658	2.775.388.658	2.775.388.658
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	284.034.130	284.034.130	432.543.402	432.543.402
b) Phải trả người bán khác	61.286.338.178	61.286.338.178	68.230.429.509	68.230.429.509
- Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Đại Dương	6.321.903.344	6.321.903.344	8.321.903.344	8.321.903.344
Các đối tượng khác	54.964.434.834	54.964.434.834	59.908.526.165	59.908.526.165
Cộng	77.422.062.325	77.422.062.325	84.251.222.728	84.251.222.728
<i>Trong đó:</i>				
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	39.883.724.861		39.883.724.861	

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	18.458.040.405	18.458.040.405
Ban quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	845.101.105	845.101.105
b) Người mua trả tiền trước khác	115.145.000	205.145.000
Cộng	18.573.185.405	18.663.185.405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.914.152.347	129.136.063	1.980.000.000	5.063.288.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.790.664.747	2.249.137.773	-	6.039.802.520
Thuế thu nhập cá nhân	238.227.851	73.539.263	26.126.151	285.640.963
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.237.771.571	2.805.592.744	17.263.370	9.026.100.945
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	9.107.186.140	(479.052.224)	8.000.000	8.620.133.916
Cộng	26.288.002.656	4.778.353.619	2.031.389.521	29.034.966.754

Ghi chú:

- (i) Các khoản phải nộp khác trong năm bao gồm tiền phạt truy thu và phạt chậm nộp thuế sau khi bù trừ với tiền phạt chậm nộp được miễn giảm cho năm 2020 và năm 2021.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	780.904.275	1.051.523.775
- Bảo hiểm xã hội	550.886.648	547.478.950
- Bảo hiểm y tế	215.456.588	101.436.597
- Bảo hiểm thất nghiệp	53.089.010	30.852.930
- Phải trả phí bảo trì Chung cư 33A (i)	12.988.963.930	13.357.070.275
- Tiền lãi vay phải trả	1.838.380.400	1.823.255.395
- Phải trả ngắn hạn khác	16.821.614.746	15.614.094.940
Cộng	33.249.295.597	32.525.712.862

Ghi chú:

Đây là phí bảo trì nhà chung cư 33A, đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bà Lê Thị Tố Nga	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000

Ghi chú:

Vay ngắn hạn của Bà Lê Thị Tố Nga có thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 9,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Dự phòng bảo hành công trình Tòa nhà 33A đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu	12.637.246.584		12.902.588.584	
Cộng	12.637.246.584		12.902.588.584	

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	14.519.193.263	(93.468.987.402)	221.050.205.861
Lợi nhuận trong năm	-	-	(30.319.233.057)	(30.319.233.057)
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	14.519.193.263	(123.788.220.459)	190.730.972.804
Lợi nhuận trong năm	-	-	(4.876.682.571)	(4.876.682.571)
Các khoản truy thu thuế 2017 - 2018	-	-	(2.573.628.500)	(2.573.628.500)
Số dư cuối năm	300.000.000.000	14.519.193.263	(131.238.531.530)	183.280.661.733

Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu		Cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000		30.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000		30.000.000	
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-		-	
- Cổ phiếu phổ thông	-		-	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000		30.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000		30.000.000	

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	153.000.000.000	51,00%	153.000.000.000	51,00%
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49,00%	147.000.000.000	49,00%
Cộng	300.000.000.000	100,00%	300.000.000.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu sau:

- Dịch vụ thi công xây lắp các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động khác như cho thuê thiết bị, ...

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam; do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

NĂM NAY

Chỉ tiêu	Kinh doanh		Hoạt động khác	Tổng cộng
	Dịch vụ xây lắp	bất động sản		
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	1.491.295.518	(12.343.146)	6.116.215.660	7.595.168.032
Giá vốn hàng bán	1.491.295.518	(12.343.146)	3.454.704.458	4.933.656.830
Lợi nhuận gộp	-	-	2.661.511.202	2.661.511.202
Doanh thu tài chính				1.061.340.483
Chi phí tài chính				47.500.005
Chi phí bán hàng				-
Chi quản lý doanh nghiệp				8.125.950.766
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(4.450.599.086)
Lợi nhuận khác				(426.083.485)
Lợi nhuận trước thuế				(4.876.682.571)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận trong năm				(4.876.682.571)

NĂM TRƯỚC

Chỉ tiêu	Kinh doanh		Hoạt động khác	Tổng cộng
	Dịch vụ xây lắp	bất động sản		
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	(26.706.466.498)	(57.044.503)	8.239.053.442	(18.524.457.559)
Giá vốn hàng bán	472.170.201	(48.797.230)	7.503.576.465	7.926.949.436
Lợi nhuận gộp	(27.178.636.699)	(8.247.273)	735.476.977	(26.451.406.995)
Doanh thu tài chính				1.303.176.491
Chi phí tài chính				886.008.348
Chi quản lý doanh nghiệp				6.032.253.065
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(32.066.491.917)
Lợi nhuận khác				1.747.258.860
Lợi nhuận trước thuế				(30.319.233.057)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận trong năm				(30.319.233.057)

Các chỉ tiêu tài sản và nợ phải trả chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ xây lắp, bất động sản và được trình bày trong các thuyết minh liên quan trong báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.491.295.518	(26.706.466.498)
Doanh thu kinh doanh bất động sản	(12.343.146)	(57.044.503)
Doanh thu hoạt động khác	6.116.215.660	8.239.053.442
Cộng	<u>7.595.168.032</u>	<u>(18.524.457.559)</u>
<i>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan:</i>		
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.491.295.518	(26.706.466.498)
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	33.000.000	42.000.000

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.491.295.518	472.170.201
Giá vốn doanh bất động sản	(12.343.146)	(48.797.230)
Giá vốn hoạt động khác	4.422.193.834	9.150.464.304
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(967.489.376)	(1.646.887.839)
Cộng	<u>4.933.656.830</u>	<u>7.926.949.436</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.712.761.925	4.439.491.287
Chi phí nhân công	6.349.741.152	7.113.429.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.731.147.320	3.169.767.633
Chi phí dự phòng	(967.489.376)	(1.646.887.839)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.950.107.887	6.868.847.450
Chi phí khác bằng tiền	3.356.802.910	1.773.348.098
Cộng	<u>22.133.071.818</u>	<u>21.717.996.221</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.061.340.483	1.303.176.491
Cộng	<u>1.061.340.483</u>	<u>1.303.176.491</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	47.500.005	869.879.785
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	16.128.563
Cộng	<u>47.500.005</u>	<u>886.008.348</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi trả trợ cấp thôi việc	79.092.500	50.509.500
Chi phí nhân viên	3.142.784.301	1.361.522.765
Chi phí vật liệu quản lý	-	10.062.300
Chi phí đồ dùng văn phòng	132.608.371	124.372.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.246.316.448	1.246.316.448
Thuế, phí và lệ phí	1.917.814.082	1.525.953.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	572.776.335	664.798.490
Các khoản chi phí QLDN khác	1.034.558.729	1.048.717.518
Cộng	8.125.950.766	6.032.253.065

27. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	95.454.545	198.431.223
Thu nhập từ bán phế liệu	-	2.163.272.637
Tiền chậm nộp thuế được giảm (i)	4.574.285.141	-
Các khoản khác	537.056.879	4.051.475.029
Cộng	5.206.796.565	6.413.178.889

Ghi chú:

- (i) Đây là tiền chậm nộp của thuế GTGT, thuế TNDN và tiền thuế đất tại 35D đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu được miễn giảm cho năm 2020 và năm 2021.

28. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	5.366.441.822	2.215.493.175
Các khoản khác	266.438.228	2.450.426.854
Cộng	5.632.880.050	4.665.920.029

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	5.366.441.822	2.215.493.175
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	(4.574.285.141)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(4.084.525.890)	(28.103.739.882)
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh	(4.084.525.890)	(28.095.492.609)
- Thu nhập chịu thuế hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	(8.247.273)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty không thực hiện ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trong năm do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
Trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.876.682.571)	(30.319.233.057)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(163)	(1.011)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	500.000.000	500.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	46.853.765.878	45.951.299.542
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	183.280.661.733	190.730.972.804
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 03.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.853.765.878	45.951.299.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.529.410.369	147.008.917.874
Đầu tư tài chính dài hạn	1.777.979.617	1.777.979.617
Tổng cộng	179.161.155.864	194.738.197.033
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	500.000.000	500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	109.071.021.401	115.045.643.338
Chi phí phải trả	1.009.148.994	423.195.472
Tổng cộng	110.580.170.395	115.968.838.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán như trình bày tại Thuyết minh số 03, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.853.765.878	-	46.853.765.878
Phải thu khách hàng và phải thu khác	117.632.210.369	12.897.200.000	130.529.410.369
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.777.979.617	1.777.979.617
Tổng cộng	164.485.976.247	14.675.179.617	179.161.155.864
Số cuối năm			
Các khoản vay	500.000.000	-	500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	109.071.021.401	-	109.071.021.401
Chi phí phải trả	1.009.148.994	-	1.009.148.994
Tổng cộng	110.580.170.395	-	110.580.170.395
Chênh lệch thanh khoản thuần	53.905.805.852	14.675.179.617	68.580.985.469
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.951.299.542	-	45.951.299.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	134.111.717.874	12.897.200.000	147.008.917.874
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.777.979.617	1.777.979.617
Tổng cộng	180.063.017.416	14.675.179.617	194.738.197.033
Số đầu năm			
Các khoản vay	500.000.000	-	500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	115.045.643.338	-	115.045.643.338
Chi phí phải trả	423.195.472	-	423.195.472
Tổng cộng	115.968.838.810	-	115.968.838.810
Chênh lệch thanh khoản thuần	64.094.178.606	14.675.179.617	78.769.358.223

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày tại thuyết minh số 5, 6, 13, 19 và 22; trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí		
- Mua dịch vụ	1.099.760.356	607.998.456

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị			
- Ông Ngô Bùi Ngọc	Chủ tịch (từ 29/11/2022)	63.370.636	-
- Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch (từ 28/01/2022 đến 29/11/2022)	-	-
- Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên	42.000.000	46.750.000
- Ông Trần Sỹ Huân	Thành viên độc lập (từ 29/11/2022)	3.500.000	-

Thù lao Ban kiểm soát

- Bà Trần Thị Thành Huế	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
- Bà Ngô Thị Hoài Thu	Thành viên	12.000.000	14.000.000
- Bà Ngô Trúc Vy	Thành viên	2.000.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

- Ông Lê Minh Hải	Giám đốc (từ 07/12/2022)	18.556.364	-
- Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc (từ 10/01/2022 đến 07/12/2022)	248.453.536	-
- Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc (đến ngày 10/01/2022)	248.796.355	292.555.973
- Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc	233.029.817	250.844.953
- Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	257.422.909	274.993.455

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tuy nhiên, báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được các cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 61/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại	Số sau phân loại
		VND	VND	VND
Phải thu dài hạn khác	216	-	12.897.200.000	12.897.200.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.837.200.000	(12.897.200.000)	2.940.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải trả, lãi chậm thanh toán của các khoản phải trả này và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng này là chưa chắc chắn, Công ty chưa xác định được các ảnh hưởng.

35. THÔNG TIN KHÁC

Công ty đã nhận được Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thông báo về việc thu hồi 8.070,6 m² đất tại số 35 đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu do đã hết thời hạn thuê đất nhưng không được gia hạn, thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Luật Đất đai 2013. Theo đó, Công ty đang chuẩn bị kế hoạch thực hiện di dời toàn bộ tài sản trên đất để bàn giao lại khu đất cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Minh Hải
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023